ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 234 /KH-UBND	*Phú Thọ, ngày 17 tháng 6 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) tỉnh Phú Thọ năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030, Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030.

Thực hiện Quyết định số 1187/QĐ-BNV ngày 15/10/2025 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương"; căn cứ kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025 được Bộ Nội vụ phê duyệt, công bố tại Quyết định số 430/QĐ-BNV và Quyết định số 429/QĐ-BNV ngày 14/4/2026; triển khai thực hiện Công văn số 5539/BNV-CCHC ngày 03/6/2026 của Bộ Nội vụ về việc sử dụng kết quả Chỉ số SIPAS năm 2025 và Chỉ số PAR Index năm 2025.

Kết quả đánh giá các Chỉ số năm 2025 cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số lĩnh vực, nội dung cần tiếp tục tập trung chỉ đạo, triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhằm cải thiện điểm số, thứ hạng của các Chỉ số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tập trung khắc phục những tiêu chí, tiêu chí thành phần bị trừ điểm trong Chỉ số PAR Index năm 2025 của tỉnh; nâng cao chất lượng tham mưu, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường.

- Nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp đối với việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách công và cung ứng dịch vụ hành chính công; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

- Phấn đấu năm 2026 Chỉ số PAR Index trong nhóm **10** địa phương dẫn đầu cả nước; Chỉ số SIPAS trong nhóm **15** địa phương dẫn đầu cả nước.

2. Yêu cầu

- Nhiệm vụ, giải pháp phải bám sát Bộ tiêu chí PAR Index, phương pháp đo lường SIPAS và các hạn chế đã được Bộ Nội vụ, Hội đồng thẩm định chỉ ra; phân công rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm và thời hạn thực hiện.

- Tách rõ nhóm nhiệm vụ nâng cao PAR Index và nhóm nhiệm vụ nâng cao SIPAS để thuận lợi trong tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá; đồng thời thống nhất công tác chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo chung.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao; kết quả thực hiện Kế hoạch là căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2026.

- Thực hiện nghiêm việc kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quý; kịp thời kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với các nội dung có nguy cơ mất điểm, giảm điểm, chậm khắc phục hoặc có phản ánh, kiến nghị kéo dài.

- Việc tổ chức thực hiện Kế hoạch phải đảm bảo phân nhóm rõ trách nhiệm: nhóm cơ quan chỉ đạo; nhóm cơ quan chủ trì tham mưu, chịu trách nhiệm theo lĩnh vực; nhóm cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở; nhóm cơ quan, đơn vị phối hợp, hỗ trợ triển khai, trong đó có trách nhiệm phối hợp với Bưu điện tỉnh đối với các nhiệm vụ liên quan đến cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công và khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân.

II. NỘI DUNG NÂNG CAO CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Kết quả và vấn đề cần tập trung khắc phục

Năm 2025, tỉnh Phú Thọ đạt 90,96 điểm, xếp thứ 15/34 tỉnh, thành phố, thuộc nhóm A và cao hơn giá trị trung bình cả nước 1,00 điểm.

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số tiêu chí, tiêu chí thành phần còn bị trừ điểm hoặc có kết quả chưa cao, cần tập trung khắc phục như: Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính, qua đó, nâng cao mức độ quan tâm của cá nhân, tổ chức đến chuyên trang/chuyên mục cải cách hành chính (CCHC) trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh; công bố, công khai, cập nhật thủ tục hành chính (TTHC) đầy đủ, thống nhất đảm bảo theo quy định; giải quyết dứt điểm các hồ sơ TTHC trễ hạn; thực hiện dứt điểm kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán về tài chính - ngân sách; nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến và dịch vụ dữ liệu đưa vào sử dụng chính thức. Nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật như tính đồng bộ, hợp lý, khả thi và tính kịp thời xử lý; nâng cao chất lượng, tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; hiệu quả tự chủ, tiết kiệm chống lãng phí, quản lý tài sản công và tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh...

2. Mục tiêu năm 2026

- Hoàn thành 100% nhiệm vụ trong Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026 và các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; 100% nhiệm vụ có tài liệu kiểm chứng được chuẩn hóa, cập nhật kịp thời.

- Khắc phục, cải thiện các tiêu chí bị trừ điểm năm 2025, nhất là các tiêu chí có mức trừ điểm lớn: tuyên truyền CCHC; công khai TTHC; thực hiện kiến nghị tài chính - ngân sách; tỷ lệ dịch vụ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); hồ sơ trực tuyến toàn trình; thanh toán trực tuyến; mức độ hài lòng về dịch vụ hành chính công.

- Duy trì các lĩnh vực có thứ hạng khá; tập trung nâng các lĩnh vực còn thấp, nhất là công tác chỉ đạo, điều hành CCHC và cải cách thủ tục hành chính; mục tiêu Chỉ số PAR Index năm 2026 trong nhóm **10** địa phương dẫn đầu cả nước.

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

a) Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo; tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá định kỳ theo từng tiêu chí; xử lý dứt điểm các vấn đề phát hiện qua kiểm tra; đẩy mạnh truyền thông CCHC có thống kê mức độ quan tâm của cá nhân, tổ chức đến chuyên trang/chuyên mục CCHC trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; tổ chức đối thoại định kỳ với người dân, doanh nghiệp; thúc đẩy sáng kiến, mô hình mới trong CCHC.

b) Cải cách thể chế

Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, công bố văn bản hết hiệu lực; cập nhật đầy đủ văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; tổ chức đối thoại, tham vấn đối tượng chịu tác động để cải thiện tính đồng bộ, hợp lý, khả thi của chính sách.

c) Cải cách thủ tục hành chính

Công khai, niêm yết TTHC đầy đủ, thống nhất, dễ tìm, dễ đọc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Một cửa và trên môi trường điện tử; rà soát, đơn giản hóa TTHC; thực hiện nghiêm cơ chế một cửa, một cửa liên thông; giảm hồ sơ trễ hạn; công khai tiến độ giải quyết và thực hiện xin lỗi khi trễ hạn.

d) Cải cách tổ chức bộ máy

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp; bảo đảm vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, hướng dẫn, hỗ trợ cấp xã.

đ) Cải cách chế độ công vụ

Hoàn thiện vị trí việc làm; tuyển dụng, bổ nhiệm công khai, minh bạch; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, kỹ năng số, kỹ năng giao

tiếp hành chính; kiểm tra kỷ luật, kỷ cương công vụ, xử lý nghiêm hành vi gây phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực.

e) Cải cách tài chính công

Đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công; thực hiện nghiêm quy định về quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công; xử lý dứt điểm kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán; nâng hiệu quả cơ chế tự chủ tài chính của cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

g) Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước

Hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số; cập nhật kiến trúc số, phát triển nền tảng, cơ sở dữ liệu; tăng tỷ lệ dịch vụ dữ liệu đưa vào sử dụng chính thức trên NDXP; nâng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ và khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa.

h) Tác động của CCHC đến người dân và phát triển kinh tế - xã hội

Nâng cao mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ hành chính công; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; phấn đấu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao.

(Nhiệm vụ cụ thể, sản phẩm, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện tại Phụ lục số 01 kèm theo Kế hoạch)

III. NỘI DUNG NÂNG CAO CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (SIPAS)

1. Kết quả đạt được và những vấn đề cần tập trung khắc phục

Năm 2025, Chỉ số SIPAS của tỉnh Phú Thọ đạt 82,69%, xếp thứ 21/34 tỉnh, thành phố, thấp hơn trung bình cả nước 0,40% (trung bình cả nước đạt 83,09%). Nhóm xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách đạt 82,66%, xếp thứ 22/34; nhóm cung ứng dịch vụ hành chính công đạt 82,73%, xếp thứ 19/34; nhóm cung ứng dịch vụ hành chính công, nội dung tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị đạt thấp nhất (82,29%), xếp thứ 19/34.

Một số tiêu chí còn thấp so với yêu cầu và mặt bằng chung trên cả nước cần ưu tiên tập trung cải thiện như: mức độ tham gia của người dân trong xây dựng, tổ chức thực hiện và giám sát chính sách; chất lượng tổ chức thực hiện chính sách; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị; chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; mức độ thuận tiện của dịch vụ công trực tuyến; tinh thần, trách nhiệm và thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Công tác truyền thông chính sách, cải cách hành chính; công khai, minh bạch thông tin và phản hồi ý kiến của người dân ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương cần tiếp tục được nâng cao.

2. Mục tiêu năm 2026

- Chỉ số SIPAS năm 2026 trong nhóm 15 địa phương dẫn đầu cả nước.

- Riêng các nội dung có kết quả thấp hoặc tác động lớn đến cảm nhận của người dân như: Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị; kết quả dịch vụ; cơ hội tham gia của người dân; chất lượng tổ chức thực hiện chính sách phải có nhiệm vụ, sản phẩm và đầu mối chịu trách nhiệm cụ thể trong từng quý.

- Nâng cao mức độ hài lòng về xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách; tăng cơ hội tham gia của người dân, đặc biệt qua các kênh trực tuyến và cơ chế phản hồi sau góp ý.

- Nâng cao mức độ hài lòng về cung ứng dịch vụ hành chính công, tập trung vào tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị; chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; thái độ, năng lực của công chức; giảm tối đa tình trạng phiền hà, sách nhiễu và chi phí không chính thức.

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

a) Nâng cao chỉ số nhận định, đánh giá của người dân

- Nâng cao chất lượng truyền thông chính sách và cải cách hành chính theo hướng dễ hiểu, dễ tiếp cận, gắn với quyền lợi thiết thực của người dân, doanh nghiệp; phát huy hiệu quả các kênh truyền thông truyền thống (họp khu dân cư, hệ thống truyền thanh cơ sở) kết hợp với các kênh hiện đại (Cổng thông tin điện tử, mạng xã hội chính thống, nền tảng số).

- Mở rộng cơ hội tham gia của người dân, doanh nghiệp trong xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách thông qua đa dạng hình thức: hội nghị, phiếu lấy ý kiến, cổng/trang thông tin điện tử, ứng dụng số, Zalo OA, đường dây nóng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số trong tiếp nhận, tổng hợp, phản hồi ý kiến góp ý của người dân.

- Nâng cao trách nhiệm giải trình và chất lượng thực thi chính sách: cung cấp thông tin đầy đủ, dễ tìm, dễ hiểu; thường xuyên đánh giá tác động chính sách, nhất là chính sách dân sinh; kịp thời phát hiện, giải quyết các bất cập, vướng mắc tại cơ sở.

b) Nâng cao sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước

- Nâng chất lượng tiếp cận dịch vụ hành chính công: rà soát, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, biển hiệu, sơ đồ hướng dẫn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận Một cửa các cấp; bố trí nhân lực hỗ trợ người dân, ưu tiên người cao tuổi, người yếu thế và người ít sử dụng dịch vụ số.

- Nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; niêm yết, công khai thủ tục hành chính đầy đủ, thống nhất, dễ đọc, dễ tiếp cận; chuẩn hóa yêu cầu hồ sơ, phí, lệ phí; công khai tiến độ giải quyết; trả kết quả đúng hạn, đầy đủ, chính xác, công bằng. Phân tích nguyên nhân trễ hạn theo lĩnh vực, địa bàn để xử lý triệt để. Gắn kết quả hài lòng của người dân với đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức trực tiếp giải quyết công việc: tăng cường đào tạo kỹ năng giao tiếp, hướng dẫn hồ sơ, xử lý tình huống và văn hóa công vụ; tổ chức kiểm tra đột xuất thái độ phục vụ; xử lý nghiêm các hành vi gây phiền hà, sách nhiễu, yêu cầu thêm giấy tờ hoặc thu phí ngoài quy định.

- Nâng hiệu quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị: đa dạng hóa kênh tiếp nhận; công khai số điện thoại, địa chỉ, biểu mẫu; thông báo kết quả kịp thời; định kỳ phân tích, xử lý tận gốc các nhóm vấn đề người dân phản ánh nhiều.

- Tăng cường hỗ trợ tại cơ sở; đẩy mạnh hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến và tái sử dụng dữ liệu.

c) Đáp ứng nhu cầu, mong đợi của người dân

Tổ chức khảo sát, nắm bắt nhu cầu, mong đợi của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, tập trung vào các nội dung: nâng cao công khai, minh bạch thông tin; trách nhiệm giải trình của chính quyền; cơ hội tham gia, giám sát của nhân dân; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị; nâng cao năng lực, tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số; nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công và xử lý phản ánh, kiến nghị. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị chủ động bố trí nguồn lực, điều chỉnh quy trình để đáp ứng tốt hơn nguyện vọng chính đáng của người dân, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền.

(Nhiệm vụ cụ thể, sản phẩm, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện tại Phụ lục số 02 kèm theo Kế hoạch).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện kế hoạch từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các sở, ban, ngành; các cơ quan Trung ương theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các nhiệm vụ tại Mục II, Mục III, Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 kèm theo Kế hoạch này, chủ động xây dựng kế hoạch hoặc nhiệm vụ cụ thể của cơ quan, đơn vị; phân công rõ lãnh đạo phụ trách, bộ phận đầu mối, thời hạn, sản phẩm và trách nhiệm phối hợp đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ các nhiệm vụ nâng cao Chỉ số PAR Index, SIPAS thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về chất lượng hồ sơ, tài liệu kiểm chứng, số liệu hệ thống, nội dung giải trình và kết quả thực hiện đối với các tiêu chí được giao chủ trì hoặc phối hợp.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chủ trì lĩnh vực trong quá trình chuẩn hóa tài liệu kiểm chứng, tự đánh giá, chấm điểm, giải trình kết quả; kịp thời khắc phục

các tiêu chí bị trừ điểm, giảm điểm, tiêu chí có thứ hạng thấp hoặc có nguy cơ không đạt mục tiêu năm 2026.

- Tăng cường công khai, minh bạch thông tin, thủ tục hành chính, kết quả giải quyết công việc; nâng cao trách nhiệm giải trình, chất lượng phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp; tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền; không để phát sinh tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, hồ sơ quá hạn, yêu cầu thêm giấy tờ ngoài quy định hoặc chi phí ngoài quy định.

2. Đối với UBND cấp xã

- Chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nâng cao Chỉ số PAR Index, SIPAS tại cơ sở; tập trung khắc phục các nội dung liên quan đến công khai, niêm yết thủ tục hành chính, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, trả kết quả đúng hạn, xin lỗi khi trễ hạn, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị, chất lượng phục vụ tại Bộ phận Một cửa cấp xã.

- Rà soát, cập nhật đầy đủ, thống nhất thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và các hình thức công khai phù hợp; bảo đảm người dân dễ tiếp cận, dễ tra cứu, dễ thực hiện; bố trí công chức có năng lực, kỹ năng giao tiếp, tinh thần trách nhiệm để hướng dẫn người dân, tổ chức ngay từ lần đầu tiếp nhận hồ sơ.

- Tổ chức tuyên truyền cải cách hành chính, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích và quyền tham gia góp ý, giám sát của người dân thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở, họp khu dân cư, cổng/trang thông tin điện tử và các kênh phù hợp với điều kiện địa phương.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, Bưu điện tỉnh, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tham gia khảo sát, phản ánh, kiến nghị; kịp thời tổng hợp những khó khăn, bất cập từ cơ sở để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

- Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả cải cách hành chính, chất lượng phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp và kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao tại địa phương.

3. Đối với các cơ quan được giao chủ trì, chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của từng lĩnh vực, nội dung cải cách hành chính

Ngoài các nhiệm vụ được giao tại phần tổ chức thực hiện nêu trên, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì chịu trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp, tự đánh giá, chuẩn bị tài liệu kiểm chứng, giải trình kết quả và đề xuất giải pháp khắc phục đối với lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc phạm vi được giao; đồng thời chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương để bảo đảm nhiệm vụ hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng, không để mất điểm do nguyên nhân chủ quan. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả cải cách hành chính đối với các nội dung, lĩnh vực được phân công phụ trách, cụ thể:

a) Sở Nội vụ

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, tổng hợp chung việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo Kế hoạch của UBND tỉnh; Kế hoạch nâng cao Chỉ số PAR Index, SIPAS. Định kỳ báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện theo từng nhóm tiêu chí, kịp thời đề xuất kiểm tra đột xuất, kiểm điểm trách nhiệm đối với cơ quan, đơn vị, địa phương chậm triển khai nhiệm vụ hoặc chậm khắc phục tồn tại, hạn chế; trực tiếp phụ trách các lĩnh vực công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ; chủ trì kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính; tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số PAR Index, phối hợp triển khai điều tra xã hội học, SIPAS theo yêu cầu của Bộ Nội vụ.

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tham mưu UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ xác định Chỉ số PAR Index, SIPAS do Trung ương đánh giá tỉnh.

b) Văn phòng UBND tỉnh

Chủ trì lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính: Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; hướng dẫn, kiểm tra việc công bố, công khai thủ tục hành chính, công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp; chủ trì theo dõi việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính và phối hợp với Bưu điện tỉnh trong cung cấp dịch vụ công, dịch vụ bưu chính công ích. Chỉ đạo Trung tâm Thông tin- Công báo có giải pháp nâng cao chất lượng chuyên mục cải cách hành chính và đo lường lượt truy cập/tương tác của tổ chức, cá nhân đối với chuyên mục cải cách hành chính trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

c) Sở Tư pháp

Chủ trì lĩnh vực cải cách thể chế: Tham mưu nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực; cập nhật văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tăng cường tham vấn, lấy ý kiến, đánh giá tác động chính sách nhằm nâng cao tính đồng bộ, hợp lý, khả thi và tính kịp thời trong xử lý bất cập, vướng mắc.

d) Sở Tài chính

Chủ trì lĩnh vực cải cách tài chính công và một số nội dung tác động của cải cách hành chính đến phát triển kinh tế - xã hội: Tham mưu giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách, tài sản công, cơ chế tự chủ tài chính, giải ngân vốn đầu tư công, xử lý dứt điểm kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tài chính - ngân sách; phối hợp theo dõi các chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp, thu ngân sách, thu hút đầu tư và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì lĩnh vực chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước và đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính: Tham mưu phát triển hạ tầng số, nền tảng, cơ sở dữ liệu, kết nối, chia sẻ dữ liệu, dịch vụ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị nâng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ, khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị bảo đảm hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp thông suốt, hiệu quả khi các Bộ, ngành sử dụng, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung.

e) Thanh tra tỉnh

Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm người đứng đầu, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, nhũng nhiễu, gây phiền hà trong thực thi công vụ; kịp thời kiến nghị xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm, góp phần nâng cao niềm tin và mức độ hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

g) Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách trật tự, an toàn xã hội tại địa phương; phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn người dân chấp hành pháp luật, tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị liên quan đến an ninh, trật tự; tăng cường kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với việc tổ chức thực hiện chính sách và kết quả, tác động của chính sách về trật tự, an toàn xã hội.

h) Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức đối thoại với người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư định kỳ: Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc giải quyết kiến nghị, đề xuất sau đối thoại; tham mưu giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao các tiêu chí tác động của cải cách hành chính đến phát triển kinh tế - xã hội.

i) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, hướng dẫn công tác thông tin, tuyên truyền về các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao Chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin nguồn và hệ thống truyền thanh cơ sở; phối hợp Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, tăng mức độ quan tâm, tiếp cận của người dân, tổ chức đối với công tác cải cách hành chính.

k) Bưu điện tỉnh Phú Thọ

Phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp xã và các cơ quan liên quan trong triển khai nhiệm vụ: Cung cấp dịch vụ công, dịch vụ bưu chính công ích; hỗ trợ hướng dẫn người dân, tổ chức tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; phối hợp phát, thu phiếu khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân khi được cơ quan có thẩm quyền giao, bảo đảm khách quan, đúng hướng dẫn.

l) Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh; các cơ quan thông tin, tuyên truyền của tỉnh

Đề nghị phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan xây dựng, duy trì chuyên trang, chuyên mục, tin, bài, phóng sự, nội dung truyền thông về cải cách hành chính; tuyên truyền các mô hình hay, sáng kiến ứng dụng hiệu quả trong công tác cải cách hành chính, đồng thời phản ánh những tồn tại, hạn chế cần khắc phục; phổ biến rộng rãi các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, hướng dẫn thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích để người dân, doanh nghiệp biết, thực hiện và giám sát.

4. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh các tổ chức chính trị - xã hội

- Tăng cường phối hợp tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện, giám sát công tác cải cách hành chính, nhằm góp phần nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

- Phối hợp nắm bắt, phản ánh ý kiến, kiến nghị, mức độ hài lòng, nhu cầu và mong đợi của người dân, tổ chức, doanh nghiệp đối với việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách và cung ứng dịch vụ hành chính công; chuyển tải kịp thời các vấn đề phát sinh tại cơ sở đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Tăng cường giám sát việc công khai, minh bạch thủ tục hành chính, trách nhiệm giải trình, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức; phối hợp tuyên truyền, vận động người dân tham gia góp ý chính sách, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, phản ánh, kiến nghị đúng kênh, đúng thẩm quyền.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và cơ quan thông tin, tuyên truyền trong việc phổ biến các nội dung liên quan đến Chỉ số PAR Index, SIPAS; góp phần tạo sự đồng thuận, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị và Nhân dân trong thực hiện cải cách hành chính.

5. Chế độ thông tin, báo cáo

Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hằng quý, 6 tháng, năm (có thể lồng ghép trong báo cáo cải cách hành chính định kỳ)

gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. Nội dung báo cáo cần đánh giá kết quả thực hiện (lũy kế nhiệm vụ), ước đạt mức độ hoàn thành; xác định các chỉ tiêu, nhiệm vụ có nguy cơ không đạt điểm, gửi Sở Nội vụ tổng hợp. Kết quả thực hiện Kế hoạch là căn cứ đánh giá, xếp loại kết quả cải cách hành chính năm 2026. Cơ quan, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ, chậm cung cấp tài liệu kiểm chứng, chậm xử lý phản ánh, kiến nghị hoặc để phát sinh tiêu chí bị trừ điểm do nguyên nhân chủ quan phải chịu trách nhiệm báo cáo với UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

Yêu cầu Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan Trung ương ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; đề nghị các Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể tỉnh; Bưu điện tỉnh; Báo và Phát thanh truyền hình Phú Thọ; Cổng Thông tin điện tử tỉnh; các cơ quan thông tin, tuyên truyền của tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh qua Sở Nội vụ để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận TU;
  UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các CQ TW ngành dọc trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Bưu điện tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình PT;
- TT Thông tin-Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- CV: TH2, TH3, TH9;
- Lưu: VT, TH5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Hiếu

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

PHỤ LỤC 01
NHIỆM VỤ NÂNG CAO CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (PAR INDEX) TỈNH PHÚ THỌ NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số 234 /KH-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
1.	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC**	**9,5**	**8,97**	**0,53**	**(Sở Nội vụ chủ trì, tham mưu đề xuất, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp chung)**				
1.1.	**Thực hiện kế hoạch CCHC**	**1,5**	**1,4741**	**0,0259**	Bộ, ngành thẩm định	Hoàn thành 100% nhiệm vụ theo KH	Hoàn thành 100% nhiệm vụ cải cách hành chính đã đề ra theo Kế hoạch hằng năm của tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
1.2.	**Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ**	**0,5**	**0,5**	**0**	Bộ, ngành thẩm định	Báo cáo CCHC đầy đủ số lượng, nội dung	Các báo cáo CCHC định kỳ phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và đảm bảo thời gian theo quy định	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh và các Sở: Tư pháp, Tài chính; Khoa học và Công nghệ
1.3.	**Công tác kiểm tra CCHC**	**2**	**2**	**0**					
1.3.1.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã được kiểm tra trong năm	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	Tối thiểu 20% CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp xã được kiểm tra	Kiểm tra định kỳ và chuyên đề công tác cải cách hành chính tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và đơn vị hành chính cấp xã đạt từ 20% trở lên	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan
1.3.2.	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý	Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra có báo cáo khắc phục các tồn tại hạn chế mà các Đoàn kiểm tra cải cách hành chính đã chỉ ra	Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra	Sở Nội vụ
1.4.	**Công tác tuyên truyền CCHC**	**1,5**	**1**	0,5	Bộ, ngành thẩm định	Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền	- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính hằng năm. - Đổi mới, đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền: Tổ chức Hội thi cải cách hành chính; toạ đàm cải cách hành chính; sân khấu hoá…	Sở Nội vụ	Các cơ quan được giao thực hiện theo Kế hoạch tuyên truyền của UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
1.5.	**Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC**	**1,5**	**1,5**	**0**	Bộ, ngành thẩm định	Có ít nhất 03 sáng kiến hoặc giải pháp mới về CCHC	Mỗi năm có ít nhất 03 sáng kiến hoặc giải pháp mới có quy mô áp dụng, nhân rộng trên toàn tỉnh hoặc toàn quốc về công tác CCHC	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
1.6.	**Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp**	**1**	**1**	**0**	Bộ, ngành thẩm định	Có ít nhất 03 cuộc đối thoại/năm.	- Tham mưu với UBND tỉnh tổ chức Hội nghị, diễn đàn, tọa đàm… đối thoại giữa Lãnh đạo UBND tỉnh với người dân, doanh nghiệp, ít nhất 03 cuộc đối thoại/năm. - Tham mưu ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc đối thoại/diễn đàn. - Xử lý 100% đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý.	Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Phú Thọ	Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị; địa phương
1.7.	**Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao**	**1,5**	**1,5**	**0**	Bộ, ngành thẩm định	100% nhiệm vụ được hoàn thành	Hoàn thành 100% nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
2.	**CẢI CÁCH THỂ CHẾ**	**9**	**8,40**	**0,6**	**(Sở Tư pháp chủ trì, tham mưu đề xuất, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp chung)**				
2.1.	**Tổ chức thi hành pháp luật**	**2**	**2**	**0**					
2.1.1.	Kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	Thực hiện kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật theo thẩm quyền	Thực hiện kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
2.1.2.	Xử lý kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả thi hành VBQPPL	Thực hiện kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
2.2.	**Công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực định kỳ hằng năm**	**0,5**	**0,5**	**0**	Bộ, ngành thẩm định	Kịp thời công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
2.3.	**Kiểm tra, xử lý VBQPPL**	**1,5**	**1,5**	**0**					
2.3.1.	Thực hiện kiểm tra văn bản	0,5	0,5	0	Bộ, ngành		Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
	theo thẩm quyền				thẩm định		quyền		vị, địa phương
2.3.2.	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	100% văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị được xử lý.	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị đảm bảo xử lý trong 30 ngày (kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền kiến nghị)	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
2.4.	**Cập nhật văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật**	**1**	**1**	**0**	Bộ, ngành thẩm định	100% các văn bản được kịp thời cập nhật	Kịp thời cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
2.5	Chất lượng VBQPPL do tỉnh ban hành	**4**	**3,3973**	**0,6027**	Điều tra Xã hội học				
2.5.1	Tính đồng bộ, thống nhất của các VBQPPL do tỉnh ban hành	1	0,8336	0,1664	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa	- Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; - Tuyên truyền sâu rộng các nội dung về cải cách hành chính và các chỉ số PAR Index, SIPAS đến cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tư pháp
2.5.2	Tính hợp lý của các VBQPPL do tỉnh ban hành	1	0,8251	0,1749	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa	- Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; - Tuyên truyền sâu rộng các nội dung về cải cách hành chính và các chỉ số PAR Index, SIPAS đến cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tư pháp
2.5.3	Tính khả thi của các VBQPPL do tỉnh ban hành	1	0,8114	0,1886	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa	- Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; - Tuyên truyền sâu rộng các nội dung về cải cách hành chính và các chỉ số PAR Index, SIPAS đến cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tư pháp

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
2.5.4	Tính kịp thời phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL tại địa phương	1	0,9272	0,0728	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa	- Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; - Tuyên truyền sâu rộng các nội dung về cải cách hành chính và các chỉ số PAR Index, SIPAS đến cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tư pháp
3.	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**12**	**11,75**	**0,25**		**(Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, tham mưu đề xuất, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp chung)**			
3.1.	**Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)**	**1**	**1**	**0**	Bộ, ngành thẩm định	- 100% TTHC không có quy định trái thẩm quyền (nội dung TTHC, thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, điều kiện thực hiện TTHC…).	- Có các kiến nghị cải cách TTHC kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC (nếu có).	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
3.2.	**Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ**	**3,5**	**3,25**	**0,25**					
3.2.1.	Công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định	0,5	0,5	0	Bộ, ngành thẩm định	100% số TTHC được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành trong năm được công bố kịp thời	Kịp thời ban hành các quyết định công bố TTHC, danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành
3.2.2.	Công khai TTHC và các quy định có liên quan	1,5	1,25	0,25	Bộ, ngành thẩm định	100% TTHC được công khai đầy đủ, kịp thời trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Website của cơ quan, đơn vị; Trung tâm Phục vụ hành	- Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. - Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Website của cơ quan, đơn vị. - Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
						chính công các cấp.			
3.2.3.	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Cổng DVC quốc gia	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	- 100% hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Cổng DVC quốc gia.	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Cổng DVC quốc gia.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
3.2.4.	Công bố TTHC nội bộ cấp tỉnh	0,5	0,5	0	Bộ, ngành thẩm định	100% TTHC được công bố	Công bố TTHC nội bộ của tỉnh được công bố đúng quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
3.3.	**Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông**	**2,5**	**2,5**	**0**					
3.3.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	1,5	1,5	0	Bộ, ngành thẩm định	- 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp. - 100% TTHC liên thông được thực hiện đúng theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương.	Thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp theo đúng quy định.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
3.3.2.	Tỷ lệ thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	100% TTHC thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính	Tổ chức triển khai thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
3.4.	**Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC**	**4**	**3,9991**	**0,0009**					
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1,5	1,4995	0,0005	Bộ, ngành thẩm định	Phấn đấu 100% hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm	Thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp theo đúng quy định.	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
						giải quyết đúng hạn			
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1,5	1,4996	0,0004	Bộ, ngành thẩm định	Phấn đấu 100% hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm giải quyết đúng hạn	Thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp theo đúng quy định.	UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh
3.4.3.	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	0,25	0,25	0	Bộ, ngành thẩm định	100% hồ sơ TTHC trễ hẹn thực hiện việc xin lỗi kịp thời trong giải quyết hồ sơ TTHC	Thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp theo đúng quy định.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
3.4.4.	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	0,75	0,75	0	Bộ, ngành thẩm định	Chất lượng giải quyết TTHC được đánh giá trên 80% từ mức tốt trở lên.	Thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp theo đúng quy định.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
3.5.	***Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh***	**1**	**1**	**0**					
3.5.1.	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	0,75	0,75	0	Bộ, ngành thẩm định	100% PAKN của cá nhân, tổ chức được giải quyết kịp thời	Thực hiện việc tiếp nhận, xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính và hành vi của CBCCVC trong việc tiếp nhận và giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền theo đúng quy định.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
3.5.2.	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh	0,25	0,25	0	Bộ, ngành thẩm định	100% kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức được công khai	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính và hành vi của CBCCVC trong việc tiếp nhận và giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
4.	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY**	**10,50**	**9,73**	**0,77**		**(Sở Nội vụ chủ trì, tham mưu đề xuất, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp chung)**			
4.1	***Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ***	**6,5**	**5,9163**	**0,5837**					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
	máy của các cơ quan, đơn vị								
4.1.1.	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các CQCM cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp xã	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	Triển khai kịp thời, đúng quy định các nội dung về sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị	Kịp thời ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp xã	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
4.1.2.	Thực hiện cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính theo quy định	1,5	1,5	0	Bộ, ngành thẩm định	100% các sở, ngành; các phòng chuyên môn thuộc sở, ngành ; các phòng chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp xã hoàn thành việc sắp xếp lãnh đạo đáp ứng tiêu chí theo quy định	Số lượng lãnh đạo cấp sở và tương đương; lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương; lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp xã hoặc tương đương đáp ứng tiêu chí do Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền quy định	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
4.1.3.	Thực hiện sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) theo quy định	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	Hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập	Kịp thời sắp xếp, kiện toàn ĐVSNCL đảm bảo đúng theo quy định.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
4.1.4	Tính hợp lý trong sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh	1	0,796	0,204	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa	- Kịp thời sắp xếp, kiện toàn ĐVSNCL đảm bảo đúng theo quy định. - Tuyên truyền sâu rộng các nội dung về cải cách hành chính và các chỉ số PAR Index, SIPAS đến cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
4.1.5	Tính hợp lý trong phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị tại địa phương	1	0,7909	0,2091	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
4.1.6	Tình hình thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh	1	0,8294	0,1706	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
4.2.	**Thực hiện các quy định về quản lý biên chế**	**1**	**1**	**0**					
4.2.1.	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	0,5	0,5	0	Bộ, ngành thẩm định	Sử dụng biên chế hành chính không	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
						vượt quá số lượng biên chế được giao			
4.2.2.	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	0,5	0,5	0	Bộ, ngành thẩm định	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh không vượt quá số lượng người làm việc được giao	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
4.3.	**Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước**	**3**	**2,8102**	**0,1898**					
4.3.1.	Thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	0,5	0,5	0	Bộ, ngành thẩm định	Thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền	Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
4.3.2.	Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp xã	0,5	0,5	0	Bộ, ngành thẩm định	Tổ chức thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định	Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp xã	Sở Nội vụ; Thanh tra tỉnh; Các sở, ban, ngành	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
4.3.3.	Xử lý các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	100% vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra được phát hiện và xử lý kịp thời	Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp xã; xử lý kịp thời các vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ; Thanh tra tỉnh; các sở, ban, ngành
4.3.4.	Tính hợp lý trong việc phân cấp, phân quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và xã	1	0,8102	0,1898	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa	Rà soát, đánh giá hiệu quả phân cấp, phân quyền; tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ cấp xã thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền.	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
5.	**CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ**	**14,50**	**13,20**	**1,30**		**(Sở Nội vụ chủ trì, tham mưu đề xuất, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp chung)**			
5.1.	**Thực hiện cơ cấu công chức,**	**1,75**	**1,75**	**0**					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
	viên chức theo vị trí việc làm								
5.1.1.	Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	0,25	0,25	0	Bộ, ngành thẩm định	Ban hành kịp thời các văn bản để hoàn thiện các quy định về vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh	Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh đối với các cơ quan, tổ chức hành chính.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
5.1.2.	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0,75	0,75	0	Bộ, ngành thẩm định	100% cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	Phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm khi có quy định mới	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
5.1.3.	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0,75	0,75	0	Bộ, ngành thẩm định	100% đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	Phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm khi có quy định mới	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
5.2.	**Tuyển dụng công chức, viên chức**	**2,5**	**2,3021**	**0,1979**					
5.2.1.	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, cấp xã	0,25	0,25	0	Bộ, ngành thẩm định	Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, cấp xã	Việc tuyển dụng công chức tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp xã (bao gồm cả thi tuyển, xét tuyển và tiếp nhận) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành	Sở Nội vụ; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
5.2.2.	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các ĐVSNCL thuộc tỉnh	0,25	0,25	0	Bộ, ngành thẩm định	Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức tại các ĐVSNCL thuộc tỉnh	Việc tuyển dụng viên chức tại các ĐVSNCL phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
5.2.3	Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức	1	0,866	0,134	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa	Việc tuyển dụng viên chức tại các ĐVSNCL phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
5.2.4	Tình trạng tiêu cực trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức	1	0,9361	0,0639	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa	Viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
5.3.	**Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý**	**2,75**	**2,5739**	**0,1761**					
5.3.1.	Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý	0,75	0,75	0	Bộ, ngành thẩm định	100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương; lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương; lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp xã được bổ nhiệm đúng quy định	Việc bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
5.3.2	Tính công khai, minh bạch trong công tác bổ nhiệm công chức, viên chức	1	0,8829	0,1171	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa	Việc bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
5.3.3	Tình trạng tiêu cực trong công tác bổ nhiệm công chức, viên chức	1	0,941	0,059	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
5.4.	**Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức**	**1,5**	**1,5**	**0**	Bộ, ngành thẩm định	100% cán bộ, công chức, viên chức chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương	Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, tạo chuyển biến mạnh mẽ về lề lối, tác phong làm việc.	Sở Nội vụ; Thanh tra tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
5.5.	**Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức**	**2**	**1,8036**	**0,1964**					
5.5.1	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	Phấn đấu hoàn thành 100% Kế hoạch	Tổ chức, triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị. địa phương
5.5.2	Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1	0,8036	0,1964	ĐTXHH (Lãnh đạo	Phấn đấu đạt điểm tối đa	- Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; chủ động giải quyết	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
					quản lý)		công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, kiên quyết không để xảy ra tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm; - Phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm đối với các hành vi gây những nhiễu, phiền hà, tham nhũng, tiêu cực của cán bộ, công chức, viên chức. - Tập trung xử lý, trả lời các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, hành vi hành chính		
5.6	Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức	4	3,2803	0,7197	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
5.6.1	Năng lực chuyên môn của công chức, viên chức trong phối hợp, xử lý công việc	1	0,7875	0,2125	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
5.6.2	Tinh thần trách nhiệm của công chức, viên chức trong phối hợp, xử lý công việc	1	0,7956	0,2044	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
5.6.3	Tình trạng công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc	1	0,9256	0,0744	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
5.6.4	Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	1	0,7716	0,2284	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
6.	**CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**	**12**	**10,94**	**1,06**		**(Sở Tài chính chủ trì, tham mưu đề xuất, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp chung)**			
6.1.	***Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách***	**5**	**4,3266**	**0,6734**					
6.1.1.	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN)	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	100% vốn ngân sách nhà nước được giải ngân	Thực hiện giải ngân vốn ngân sách nhà nước phải giải ngân theo Kế hoạch	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Tài chính
6.1.2.	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	100% các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN đảm bảo theo quy định	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
6.1.3.	Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân	1	0,7678	0,2322	Bộ, ngành thẩm định	Hoàn thành 100% kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm	Tổ chức, triển khai thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước đảm bảo đúng quy định	Các cơ quan, đơn vị, địa phương được thanh tra,	Sở Tài chính

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
	sách					toán nhà nước về tài chính, ngân sách		kiểm tra, kiểm toán	
6.1.4	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1	0,7462	0,2538	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa	Tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tài chính
6.1.5	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1	0,8126	0,1874	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa	Tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tài chính
6.2.	**Công tác quản lý, sử dụng tài sản công**	**3**	**2,8189**	**0,1811**					
6.2.1.	Ban hành các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0,75	0,75	0	Bộ, ngành thẩm định	100% các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	Thực hiện đảm bảo đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Tài chính
6.2.2.	Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	0,5	0,5	0	Bộ, ngành thẩm định	- Ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo để triển khai công tác quản lý, sử dụng tài sản công. - 100% báo cáo định kỳ và đột xuất về quản lý, sử dụng tài sản công bảo đảm đúng quy định.	- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công. - Thực hiện cập nhật số liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
6.2.3.	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0,75	0,75	0	Bộ, ngành thẩm định	Từ 80% trở lên số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý	Thực hiện đúng quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
6.2.4	Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công	1	0,8189	0,1811	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa	Thực hiện đúng quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tài chính
6.3.	**Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp**	**4**	**3,7905**	**0,2095**					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
	công lập (SNCL)								
6.3.1.	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	0,25	0,25	0	Bộ, ngành thẩm định	Có ít nhất 01 đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
6.3.2.	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0,75	0,75	0	Bộ, ngành thẩm định	- Có thêm đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên. - Có thêm đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên. - Có thêm đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên.	- Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
6.3.3.	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL.	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	100% các đơn vị SNCL sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính đảm bảo theo đúng quy định	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
6.3.4.	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp công lập	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	Phấn đấu giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị SNCL.	Thực hiện giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm trước liền kề	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
6.3.5	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị SNCL	1	0,7905	0,2095	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo đúng quy định	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tài chính
7.	**CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**	**16**	**13,93**	**2,07**		**(Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, tham mưu đề xuất, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp chung)**			
7.1.	**Tỷ lệ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số**	**1,5**	**1,3641**	**0,1359**	Bộ, ngành thẩm định	Hoàn thành 100% các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số	Hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra theo Kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
7.2.	**Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu**	**3,5**	**3,0625**	**0,4375**					
7.2.1.	Triển khai, cập nhật Khung Kiến trúc số cấp tỉnh	0,5	0,5	0	Bộ, ngành thẩm định	Rà soát, cập nhật Khung Kiến trúc số cấp tỉnh	Triển khai, cập nhật Khung Kiến trúc số cấp tỉnh kịp thời, đúng quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.2.2.	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	- Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật. - 100% hệ thống thông tin dùng chung có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu.	- Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số - Xây dựng hệ thống thông tin dùng chung có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.2.3.	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	- Đưa ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ công chức, viên chức. - Đưa ứng dụng AI phục vụ người dân, doanh nghiệp. - Có ứng dụng AI nâng cao khác.	Ứng dụng AI phục vụ công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.2.4.	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức	1	0,5625	0,4375	Bộ, ngành thẩm định	100% số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức	Tăng tỷ lệ dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.3.	**Phát triển các ứng dụng, dịch**	**4**	**4**	**0**					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
	vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước								
7.3.1.	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan HCNN	0,5	0,5	0	Bộ, ngành thẩm định	100% văn bản, hồ sơ công việc của các cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử	Xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.3.2.	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	100% nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường điện tử	Theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.3.3.	Thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	Xây dựng, ban hành, vận hành Bộ chỉ số/Hệ thống phục vụ chỉ đạo điều hành trên môi trường điện tử.	Thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.3.4.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	1,5	1,5	0	Bộ, ngành thẩm định	- Hệ thống thông tin báo cáo đáp ứng đầy đủ chức năng, kỹ thuật theo quy định. - 100% chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu của tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	- Duy trì và vận hành Hệ thống thông tin báo cáo đáp ứng đầy đủ chức năng, kỹ thuật theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.4.	**Phát triển ứng dụng, dịch vụ**	**7**	**5,5137**	**1,4863**					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
	phục vụ người dân, tổ chức								
7.4.1.	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	0,5	0,5	0	Bộ, ngành thẩm định	- Cổng thông tin điện tử đáp ứng đầy đủ yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định. - Cổng thông tin điện tử của tỉnh đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6.	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.4.2.	Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh	1	0,8343	0,1657	ĐTXHH (Lãnh đạo quản lý)	Phấn đấu đạt điểm tối đa	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử của tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
7.4.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	- Nâng cấp, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thống nhất. - Thực hiện đồng bộ đầy đủ, thường xuyên với Cổng DVC quốc gia.	- Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thống nhất. - Thực hiện đồng bộ đầy đủ, thường xuyên với Cổng DVC quốc gia.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.4.4.	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	1	1	0	Bộ, ngành thẩm định	- Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt từ 80% trở lên. - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt từ 50% trở lên.	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC đảm bảo đúng quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.4.5.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	0,5	0,5	0	Bộ, ngành thẩm định	Phấn đấu trên 80% dịch vụ công đủ điều kiện cung cấp toàn trình	Nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.4.6.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1,5	0,311	1,189	Bộ, ngành thẩm định	Phấn đấu trên 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính giải	Nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến mức độ toàn trình	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị, địa

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
						quyết trực tuyến mức độ toàn trình			phương
7.4.7.	Thực hiện thanh toán trực tuyến	1,5	1,3684	0,1316	Bộ, ngành thẩm định	- 100% TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến. - 100% TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến. - 100% hồ sơ thanh toán trực tuyến.	Đẩy mạnh thực hiện thanh toán trực tuyến	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị, địa phương
8.	**TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN NGƯỜI DÂN VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**								
8.1.	**Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ hành chính công (SIPAS)**	**10**	**8,2705**	**1,7295**					
8.1.1.	Mức độ hài lòng về tiếp cận dịch vụ	1,5	1,248	0,252	Khảo sát lấy ý kiến người dân	Phấn đấu đạt điểm tối đa	- Cơ quan cung cấp thông tin giải quyết TTHC theo nhiều hình thức đa dạng: Đa dạng hóa hình thức cung cấp thông tin về TTHC như thông qua phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương để người dân dễ tiếp cận, dễ tìm hiểu. - Trụ sở cơ quan hành chính có biển hiệu, hướng dẫn rõ ràng, dễ thấy, sạch đẹp, văn minh; trang thiết bị phục vụ cho người dân đầy đủ, chất lượng tốt, phục vụ người dân thực hiện TTHC.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
8.1.2.	Mức độ hài lòng về TTHC	1,5	1,2414	0,2586	Khảo sát lấy ý kiến người dân	Phấn đấu đạt điểm tối đa	- Quy định TTHC hành chính được niêm yết, công khai đầy đủ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp để người dân dễ nhìn, thuận tiện cho việc tra cứu; thành phần, mức phí, lệ phí hồ sơ người dân phải nộp là đúng quy định; Thời gian giải quyết TTHC của người dân đúng quy định. - Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
							TTHC, giảm số lượng giấy tờ, thời gian giải quyết TTHC. - Tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân, tổ chức thực hiện TTHC toàn trình, thanh toán trực tuyến, sử dụng dịch vụ bưu chính công ích khi có nhu cầu giải quyết TTHC. - Tăng cường công tác kiểm tra việc giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.		
8.1.3.	Mức độ hài lòng về công chức giải quyết TTHC	2,5	2,0728	0,4272	Khảo sát lấy ý kiến người dân	Phấn đấu đạt điểm tối đa	- Rà soát, bố trí CBCCVC có đủ năng lực chuyên môn, có đạo đức, có kinh nghiệm và kỹ năng giao tiếp làm việc tại Bộ phận một cửa. - Tổ chức tập huấn nâng cao chuyên môn, kỹ năng giao tiếp cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận một cửa. - Xử lý kịp thời đối với cán bộ, công chức, viên chức có thái độ nhũng nhiễu, gây khó khăn khi giao tiếp phục vụ người dân, tổ chức đến liên hệ giải quyết TTHC. - Động viên, khen thưởng kịp thời đối với những công chức có tinh thần, thái độ tốt trong việc giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
8.1.4.	Mức độ hài lòng về kết quả giải quyết TTHC	2,5	2,0625	0,4375	Khảo sát lấy ý kiến người dân	Phấn đấu đạt điểm tối đa	- Kết quả giải quyết TTHC bảo đảm phù hợp với quy định, có thông tin đầy đủ, chính xác và đảm bảo tính công bằng. - Thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định. - Thực hiện nghiêm việc xin lỗi người dân, tổ chức đối với những hồ sơ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
							TTHC trễ hẹn. - Tổ chức đánh giá chất lượng kết quả giải quyết TTHC thông qua Phần mềm giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.		
8.1.5.	Mức độ hài lòng về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC	2	1,6458	0,3542	Khảo sát lấy ý kiến người dân	Phấn đấu đạt điểm tối đa	- Thực hiện niêm yết công khai đường dây nóng, các quy định về tiếp nhận, xử lý PAKN của người dân, tổ chức. - Tổ chức tiếp nhận, xử lý các góp ý, PAKN và thông báo kết quả xử lý cho người dân, tổ chức. - Công khai đầy đủ những nội dung đã tiếp nhận và xử lý phản ánh của người dân, tổ chức.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
8.2.	**Mức độ thu hút đầu tư**	**1**	**1**	**0**	Bộ, ngành thẩm định	Phấn đấu số vốn thu hút đầu tư năm sau tăng hơn so với năm trước liền kề.	Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư gắn với hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh.	Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh; Sở Tài chính;	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
8.3.	**Mức độ phát triển doanh nghiệp**	**2**	**1,5**	**0,5**					
8.3.1.	Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường	0,5	0,5	0	Bộ, ngành thẩm định	Phấn đấu số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường năm sau cao hơn so với năm trước	Tham mưu cơ chế, chính sách, giải pháp khuyến khích phát triển doanh nghiệp.	Sở Tài chính	Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương
8.3.2.	Số vốn đăng ký của doanh nghiệp	0,5	0,5	0	Bộ, ngành thẩm định	Phấn đấu số vốn đăng ký của doanh nghiệp năm sau tăng hơn so với năm trước liền kề trên địa bàn tỉnh.	Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp xúc tiến đầu tư của tỉnh.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
8.3.3.	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	0,5	0,5	0	Bộ, ngành thẩm định	Phấn đấu thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp năm sau tăng hơn	Thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ đóng góp của khu vực doanh nghiệp vào thu ngân sách của tỉnh.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025				Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm trừ	Hình thức				
						so với năm trước liền kề trên địa bàn tỉnh.			
8.3.4.	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	0,5	0	0,5	Bộ, ngành thẩm định	Phấn đấu đạt từ 30% trở lên tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới, sáng tạo.	Thúc đẩy và phát triển doanh nghiệp có hoạt động đổi mới, sáng tạo trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương
8.4.	**Thực hiện thu ngân sách hằng năm của tỉnh**	**2**	**2**	**0**	Bộ, ngành thẩm định	- Phấn đấu thực hiện thu ngân sách nhà nước vượt chỉ tiêu Chính phủ giao ít nhất 4% trở lên. - Phấn đấu giá trị thu ngân sách nhà nước thuộc nhóm 10 địa phương cao nhất.	Thực hiện thu ngân sách hằng năm của tỉnh đảm bảo đúng quy định	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
8.5.	**Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao**	**1,5**	**1,2576**	**0,2424**	Bộ, ngành thẩm định	100% các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đạt và vượt so với kế hoạch HĐND tỉnh giao.	Phấn đấu hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được HĐND tỉnh giao.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

PHỤ LỤC 02
NHIỆM VỤ NÂNG CAO CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (SIPAS) NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số 234/KH-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Lĩnh vực/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	**XÂY DỰNG, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**	**82.66%**	**90%**			
I.A	**Trách nhiệm giải trình của chính quyền**	**83.57%**	**90%**	Tăng đối thoại với người dân; công khai kết quả xử lý kiến nghị	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
1	Chính quyền cung cấp, giải thích thông tin chính sách	83.54%	90%	Tăng công khai minh bạch; nâng cao chất lượng giải trình	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
2	Chính quyền cung cấp thông tin chính sách đầy đủ, dễ hiểu.	83.60%	90%	Đa dạng hình thức tuyên truyền; ứng dụng nền tảng số	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Khoa học và Công nghệ
I. B	**Cơ hội tham gia của ND vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách**	**82.51%**	**90%**			
1	Chính quyền tổ chức nhiều hình thức để người dân (ND) dễ dàng tham gia ý kiến xây dựng chính sách.	82.65%	90%	Mở rộng kênh lấy ý kiến của nhân dân (trực tiếp, trực tuyến)	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Tư pháp
2	Chính quyền tổ chức nhiều hình thức để người dân dễ dàng phản hồi ý kiến đánh giá tình hình triển khai và kết quả, tác động của chính sách ở địa phương.	82.36%	90%	Mở rộng kênh lấy ý kiến của nhân dân (trực tiếp, trực tuyến)	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Tư pháp
I. C	**Chất lượng tổ chức thực hiện CS**	**82.60%**	**90%**			
1	Chính quyền tổ chức thực hiện tốt CS phát triển kinh tế ở địa phương.	82.01%	90%	Hướng dẫn, hỗ trợ người dân phát triển sản xuất kinh doanh đúng quy định	UBND cấp xã	Sở Tài chính
2	Chính quyền tổ chức thực hiện tốt CS khám chữa bệnh ở địa phương.	83.26%	90%	Cải thiện chất lượng dịch vụ y tế	Sở Y tế	BHXH, UBND cấp xã
3	Chính quyền tổ chức thực hiện tốt CS giáo dục phổ thông ở địa phương.	83.24%	90%	Đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục	Sở GD&ĐT	UBND cấp xã

STT	Lĩnh vực/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
4	Chính quyền tổ chức thực hiện tốt CS trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.	83.99%	90%	Đảm bảo ANTT	Công an tỉnh	UBND cấp xã
5	Chính quyền tổ chức thực hiện tốt CS giao thông đường bộ ở địa phương.	82.10%	90%	Nâng cấp hạ tầng giao thông đường bộ	Sở Xây dựng	UBND cấp xã
6	Chính quyền tổ chức thực hiện tốt CS điện sinh hoạt ở địa phương.	81.22%	90%	Đảm bảo cung ứng điện ổn định; nâng cấp hạ tầng điện nông thôn	Sở Công Thương	Công ty Điện lực
7	Chính quyền tổ chức thực hiện tốt CS nước sinh hoạt ở địa phương.	81.77%	90%	Nâng cao chất lượng nước sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã
8	Chính quyền tổ chức thực hiện tốt CS an sinh xã hội ở địa phương.	83.34%	90%	Thực hiện đầy đủ chính sách an sinh; hỗ trợ đối tượng yếu thế	Sở Nội vụ	BHXH; UBND cấp xã
9	Chính quyền tổ chức thực hiện tốt CS cải cách hành chính ở địa phương	82.47%	90%	Đẩy mạnh CCHC; nâng cao chất lượng phục vụ tại TT PVHCC	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
I.D	**Kết quả, tác động của CS**	**82.56%**	**90%**			
1	Kinh tế gia đình của ND địa phương tốt hơn	81.99%	90%	Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách; hướng dẫn quy định của pháp luật đến người dân địa phương	UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành
2	Kinh tế - xã hội của địa phương tốt hơn	81.85%	90%	Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách; hướng dẫn quy định của pháp luật đến người dân địa phương	UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành
3	Bệnh viện công lập ở địa phương khám chữa bệnh cho ND tốt hơn	82.08%	90%	Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách; hướng dẫn quy định của pháp luật đến người dân địa phương	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành
4	Trường phổ thông công lập dạy học sinh tốt hơn	83.32%	90%	Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách; hướng dẫn quy định của pháp luật đến người dân địa phương	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp xã
5	Trật tự, an toàn xã hội ở địa phương tốt hơn	83.46%	90%	Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách; hướng dẫn quy định của pháp luật đến người dân địa phương	UBND cấp xã	Công an tỉnh
6	Đường bộ, giao thông ở địa phương tốt hơn	82.14%	90%	Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách; hướng dẫn quy định của pháp luật đến người dân địa phương	UBND cấp xã	Sở Xây dựng
7	Điện sinh hoạt của ND ở địa phương tốt hơn	82.07%	90%	Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách; hướng dẫn quy định của pháp luật đến người dân địa phương	UBND cấp xã	Sở Công Thương (Công ty Điện lực)

STT	Lĩnh vực/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
8	Nước sinh hoạt của ND ở địa phương tốt hơn	82.70%	90%	Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách; hướng dẫn quy định của pháp luật đến người dân địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã
9	An sinh xã hội đối với ND ở địa phương tốt hơn	83.34%	90%	Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách; hướng dẫn quy định của pháp luật đến người dân địa phương	UBND cấp xã	Sở Nội vụ
10	CQHCNN, CBCCVC ở địa phương có năng lực và thực thi công vụ tốt hơn	82.71%	90%	Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách; hướng dẫn quy định của pháp luật đến người dân địa phương	UBND cấp xã	Sở Nội vụ
II	**CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG**	**82.73%**	**90%**			
II.A	**Tiếp cận dịch vụ**	**83.20%**	**90%**			
1	Nơi ngồi chờ giải quyết công việc có đủ chỗ ngồi, thoáng mát.	83.20%	90%	Cải thiện điều kiện phục vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.	Văn phòng UBND tỉnh; UBND xã, phường	Các sở, ban, ngành
2	Trang thiết bị phục vụ người dân đầy đủ, chất lượng tốt.	83.64%	90%	Đầu tư trang thiết bị hiện đại	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; UBND cấp xã
3	Niêm yết công khai quy định, thủ tục hành chính đầy đủ, dễ hiểu.	82.75%	90%	Niêm yết công khai đầy đủ thủ tục hành chính trực tiếp tại trụ sở làm việc; ứng dụng triệt để các kênh thông tin và áp dụng nhiều hình thức để niêm yết công khai thủ tục hành chính	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh;
II.B	**Thủ tục hành chính**	**82.76%**	**90%**			
1	Quy định TTHC được niêm yết công khai tại TT PVHCC dễ thấy, dễ đọc	83.35%	100%	100% TTHC được niêm yết công khai tại Trung tâm PVHCC các cấp đảm bảo tổ chức, cá nhân dễ tra cứu, dễ thấy, dễ đọc	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
2	Thành phần hồ sơ người dân phải nộp là đúng quy định.	83.04%	90%	Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính để ngay từ đầu người dân nộp hồ sơ phải hướng dẫn cụ thể, chi tiết đảm bảo người dân nộp các thành phần hồ sơ đúng ngay từ khi tiếp nhận	Văn phòng UBND tỉnh; UBND xã, phường	Các sở, ban, ngành
3	Mức phí/lệ phí người dân phải nộp là đúng quy định.	82.65%	90%	Công khai phí, lệ phí	Văn phòng UBND tỉnh; UBND xã, phường	Các sở, ban, ngành
4	Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định.	81.98%	90%	Tăng tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn	Văn phòng UBND tỉnh; UBND xã, phường	Các sở, ban, ngành

STT	Lĩnh vực/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Kết quả năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
II.C	**Công chức trực tiếp giải quyết công việc cho người dân tại bộ phận một cửa**	**82.91%**	**90%**			
1	Công chức có thái độ giao tiếp lịch sự, tôn trọng người dân.	83.15%	90%	Bồi dưỡng văn hóa công vụ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
2	Công chức hướng dẫn hồ sơ dễ hiểu, đầy đủ, giúp ND có thể hoàn thiện hồ sơ sau 1 lần hướng dẫn	83.22%	90%	Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
3	Công chức tuân thủ đúng quy định trong giải quyết TTHC.	82.36%	90%	Tăng cường thanh tra, kiểm tra và tự kiểm tra công vụ	Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
II.D	**Kết quả dịch vụ hành chính công**	**82.50%**	**90%**			
1	Kết quả dịch vụ được trả đúng hẹn.	81.90%	90%	Kiểm soát tiến độ giải quyết thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành,
2	Kết quả dịch vụ có thông tin đầy đủ, chính xác.	82.73%	90%	Số hóa quy trình xử lý hồ sơ	Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành
3	Kết quả dịch vụ đảm bảo tính công bằng.	82.86%	90%	Tăng cường giám sát, tự giám sát thực thi công vụ	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
II.E	**Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của ND**	**82.29%**	**90%**			
1	TT PVHCC bố trí hình thức tiếp nhận giúp ND dễ dàng phản ánh, kiến nghị	82.38%	90%	Mở rộng và hoàn thiện các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị	Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành
2	TT PVHCC tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của ND đúng quy định	82.42%	90%	Theo dõi, giám sát tiến độ xử lý phản ánh, kiến nghị	Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành
3	TT PVHCC thông báo kết quả xử lý phản ánh kiến nghị cho ND kịp thời	82.07%	90%	Thông báo kết quả xử lý kịp thời	Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành

Trang cuối./